

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/DS-ST

Ngày: 28/9/2020.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên

2. Ông Nguyễn Quốc Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2020/TLST-DS ngày 11/6/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 711/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 571/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng X

Địa chỉ: A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: B Dự án Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, đường Nguyễn Hữu Thọ, ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C, tổ 10, ấp 2, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Ngày 16/01/2017, ông Nguyễn Đình T có ký với Ngân hàng X (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Đình T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Với lãi suất trong hạn là 31.20%/năm.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Đình T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 338.273.700 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ khi kích hoạt đến nay, ông Nguyễn Đình T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 322.185.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau đó, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 31/01/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/9/2020, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền: 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.070.269 đồng, nợ lãi là 17.475.828 đồng.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc cá nhân ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2020 của Hợp đồng tín dụng nêu trên số tiền là 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.070.269 đồng, nợ lãi là 17.475.828 đồng. Ngoài ra ông Nguyễn Đình T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017 mà hai bên đã ký kết. Yêu cầu ông Nguyễn Đình T trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Đình T là bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T nhưng ông T đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện do có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Bị đơn ông Nguyễn Đình T mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 196, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng X (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải trả cho Ngân hàng số tiền 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.070.269 đồng, nợ lãi là 17.475.828 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đình T cư trú tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 16/01/2017 có đủ cơ sở xác định:

Ngày 16/01/2017, ông Nguyễn Đình T có ký với Ngân hàng X (Gọi tắt Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 338.273.700 đồng. Ông T chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 332.185.000 đồng. Sau đó, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng ông T cố tình lẩn tránh. Ngày 31/01/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/9/2020, ông T còn nợ lại Ngân hàng số tiền 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.070.269 đồng, nợ lãi là 17.475.828 đồng.

Ông Nguyễn Đình T đã không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017. Tính đến ngày 28/9/2020, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.070.269 đồng, nợ lãi là 17.475.828 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017 nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn T có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất cho vay của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017: Lãi suất trong hạn 31.20% năm, phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi bổ sung năm 2017: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài từ ngày 31/01/2019 đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải trả ngay một lần T bộ nợ gốc và lãi số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/9/2020 của Hợp đồng tín dụng nêu trên là 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Ngoài ra ông Nguyễn Đình T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thi hành xong theo quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017 mà hai bên đã ký kết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 40.546.097 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.070.269 đồng, nợ lãi là 17.475.828 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017. Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 29/9/2020 cho đến khi ông Nguyễn Đình T thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 16/01/2017.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.027.305 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm lẻ năm đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng X toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 883.160 đồng (Tám trăm tám mươi ba ngàn một trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0072711 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh